

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2024

Trường Đại học Kinh tế - Luật thông báo kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) như sau:

1. NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH VÀ CHỈ TIÊU DỰ KIẾN

STT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu
1	Kinh tế học	8310101	37
2	Kinh tế học (Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công)		
3	Kinh tế chính trị	8310102	22
4	Kinh tế quốc tế	8310106	11
5	Tài chính - Ngân hàng	8340201	16
6	Kế toán	8340301	9

2. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 02 năm.

Tổ chức đào tạo: Đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến (trực tuyến tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo).

3. PHƯƠNG THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

3.1. Đối tượng dự tuyển: là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng điều kiện dự tuyển theo quy định.

3.2. Điều kiện dự tuyển: Căn cứ vào kết quả học tập bậc đại học và điều kiện ngoại ngữ, ứng viên đăng ký xét tuyển vào chương trình định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng. Cụ thể:

STT	Chương trình	Điều kiện dự tuyển
1	Định hướng nghiên cứu	- Tốt nghiệp ngành phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục I. Học lực đạt loại khá trở lên hoặc đã tốt nghiệp đại học và có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu theo danh mục tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư Nhà nước công nhận tại Quyết định số 25/QĐ-HĐGSNN ngày 05 tháng 7 năm 2024. (http://hdgsnn.gov.vn/tin-tuc/quyet-dinh-so-25-qd-hdgsnn-phe-duyet-danh-muc-tap-chi-khoa-hoc-duoc-tinh-diem-nam-2024_788/)
2	Định hướng ứng dụng	- Tốt nghiệp ngành phù hợp (phụ lục II) với ngành đăng ký xét tuyển và có năng lực ngoại ngữ được quy định tại phụ lục I.

3.3 Phương thức xét tuyển: Xét hồ sơ và tiểu ban chuyên môn phỏng vấn.

Các văn bằng và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm văn bản công nhận của Trung tâm công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tin liên hệ:

Địa chỉ: 30 Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 0243 868 4996

Email: cnvb@moet.edu.vn; Website: <https://naric.edu.vn>

4. ĐỐI TƯỢNG, CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

4.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a khoản này;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

4.2. Chính sách ưu tiên: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả 10% trên tổng điểm môn thi Tiếng Anh và điểm xét tuyển.

5. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH DỰ KIẾN

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thông báo và nhận hồ sơ tuyển sinh trực tuyến	Đến hết ngày 15/11/2024
2	Phát hành giấy báo tuyển sinh	20/11/2024
3	Phỏng vấn	01/12/2024
4	Công bố kết quả tuyển sinh	06/12/2024
5	Tổ chức nhập học	09 - 15/12/2024
6	Công nhận học viên chính thức	Trước 30/12/2024

6. HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ LIÊN QUAN

- Lệ phí xét tuyển: 300.000 đồng/ hồ sơ

Mức thu học phí đào tạo dự kiến

STT	Ngành/ Chuyên ngành	Năm học 2024 – 2025	Năm học 2025 – 2026
1	Kinh tế học	33.500.000đ	37.000.000đ
2	Kinh tế chính trị		
3	Kinh tế và Quản lý công		
4	Kinh tế quốc tế		
6	Tài chính – Ngân hàng		
7	Kế toán		

*Mức thu học phí trần hạn:

Nhóm ngành Khoa học xã hội và hành vi và nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý:
1.542.000đ/tháng

7. DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP (Phụ lục II)

8. DANH MỤC HỒ SƠ DỰ TUYỂN (*)

STT	Danh mục hồ sơ dự tuyển	Ghi chú
1	Phiếu đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ (Phụ lục III) Khai báo trực tuyến tại: http://dkxtdh.uel.edu.vn	Khai báo trực tuyến (*)
2	Bằng tốt nghiệp đại học	Đăng tải hồ sơ
3	Bảng điểm đại học	Đăng tải hồ sơ
4	Minh chứng các giải thưởng khoa học và bài báo công bố của thí sinh có liên quan đến ngành/chuyên ngành dự tuyển (bản sao có công chứng đối với giải thưởng khoa học; trang bìa tạp chí, trang mục lục và các trang toàn bài đối với bài báo) (nếu có)	Đăng tải hồ sơ
5	Minh chứng về văn bằng, chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (nếu có)	Đăng tải hồ sơ
6	File mềm ảnh 4x6, rõ nét, chụp trong thời gian không quá 06 tháng theo chuẩn passport	Đăng tải hồ sơ
7	CMND/CCCD	Đăng tải hồ sơ
8	Minh chứng đối tượng ưu tiên (nếu có)	Đăng tải hồ sơ
9	Minh chứng đóng phí	Đăng tải hồ sơ

(*) Người dự tuyển cam kết chịu trách nhiệm đối với hồ sơ khai báo trực tuyến trên hệ thống và nộp bản cứng sau khi trúng tuyển theo đúng quy định tuyển sinh trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế - Luật.

- Trường không hoàn trả lại khoản thu dịch vụ tuyển sinh, lệ phí xét tuyển liên quan đến hồ sơ xét tuyển trong mọi trường hợp.

9. ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC TUYỂN SINH

Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669, Quốc lộ 1, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

10. ĐỊA ĐIỂM HỌC

Địa điểm 1: Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669, Quốc lộ 1, phường Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Địa điểm 2: Trường Chính sách công và Phát triển Nông thôn, số 45, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

11. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng Sau đại học và Khoa học công nghệ (Phòng A.205), Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 669 Quốc lộ 1, Linh Xuân, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Văn phòng Trường Đại học Kinh tế - Luật, số 45, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại tư vấn tuyển sinh: 028 88899909.

Website: <https://psdh.uel.edu.vn>

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (để b/c);
- Các Khoa đào tạo sau đại học (để th/t);
- Phòng Tài chính, Truyền thông (để ph/h);
- Đăng tải trên website (để th/t);
- Lưu: VT, P.SĐH&KH-CN (HA,5).

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

PHỤ LỤC I

THÔNG TIN VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ

Chứng chỉ được công nhận ngoại ngữ đầu vào trình độ thạc sĩ theo khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam.

Chứng chỉ hoặc chứng nhận có thời hạn 02 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

Trình độ thạc sĩ: Chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương B1 theo CEFR) của các cơ sở đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam như sau:

1. Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ (căn cứ thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021, công văn số 925/QĐ-BGDĐT ngày 31/03/2023, công văn số 2383/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140 - 159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: 160 - 179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275 - 399 Đọc: 275 - 384 Nói: 120 - 159 Viết: 120 - 149	Nghe: 400 - 489 Đọc: 385 - 454 Nói: 160 - 179 Viết: 150 - 179
		Aptis ESOL	B1	B2
		Pearson Test of English Academic (PTE Academic) Cấp từ 30/8/2024	43 - 58	59 - 75
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300 - 399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400 - 499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Cơ sở tổ chức thi và cấp chứng chỉ: căn cứ theo Điều 5, Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/07/2022 danh sách các đơn vị được phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo thông báo số 1098/TB-QLCL ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Cục Quản lý chất lượng Bộ GD-ĐT danh sách các đơn vị cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ


TT	Tên đơn vị	TT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn (ĐHQG-HCM)	16	Đại học Thái Nguyên
2	Trường Đại học Sư phạm TP HCM	17	Trường Đại học Vinh
3	Trường Đại học Ngân hàng TP HCM	18	Trường Đại học Quy Nhơn
4	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	19	Trường Đại học Tây Nguyên
5	Trường Đại Học Văn Lang	20	Trường Đại học Cần Thơ
6	Trường Đại học Sài Gòn	21	Trường Đại học Trà Vinh
7	Trường Đại học Công thương TP.HCM	22	Học viện An ninh Nhân dân
8	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM	23	Học viện Khoa học Quân sự
9	Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHQG Hà Nội)	24	Học viện Báo chí Tuyên truyền
10	Trường Đại học Hà Nội	25	Học viện Cảnh sát nhân dân
11	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	26	Trường Đại học Nam Cần Thơ
12	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	27	Trường Đại học Ngoại thương
13	Trường Đại học Thương mại	28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
14	Trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Huế)	29	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

TT	Tên đơn vị	TT	Tên đơn vị
15	Trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Đà Nẵng)	30	Trường Đại học Lạc Hồng

Mẫu chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5023/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt trước

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ

26 cm

Mặt sau

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence – Freedom – Happiness	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
CERTIFICATE OF PROFICIENCY	CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
IN(1)	Ngôn ngữ:(1)
Level:.....(2)	Bậc:..... (2)
.....(3)(3)
This is to certify that	Cấp cho
Full name(4).....	Họ và tên(4).....
Date of birth(5).....	Ngày sinh(5).....
Has taken the Foreign Language Proficiency Assessment Exam based on the 6-level Foreign Language Proficiency Framework for Vietnam	Đã tham dự kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
Date of Exam(6).....	Ngày thi(6).....
Overall Score(7).....	Điểm thi(7).....
Listening:(8).....	Nghe:(8).....
Reading:(8).....	Đọc:(8).....
Speaking:(8).....	Nói:(8).....
Writing:(8).....	Viết:(8).....
.....(9).....	(9)..... ngày tháng năm..... (Ký, đóng dấu)(10).....
Decision number:(11).....	Số Quyết định:(11).....
Certificate number:(12).....	Số bậc:(12).....
Reference number:(13).....	Số vào sổ cấp chứng chỉ:(13).....

26 cm

3. Các trường hợp miễn thi ngoại ngữ khác

a) Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn thi ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng sau:

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

b) Người dự tuyển là công dân nước ngoài, lưu học sinh Hiệp định (là người nước ngoài được tiếp nhận học tập tại Việt Nam và được Chính phủ Việt Nam cấp học bổng theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên) nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình

độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định ngoại ngữ của CSĐT (nếu có).

PHỤ LỤC II
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP

Căn cứ Khoản 2 Điều 5 Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 về ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, danh mục ngành phù hợp

Các quy định khác theo quy chế tổ chức và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Luật.

Ngành/chuyên ngành tuyển sinh	Ngành phù hợp
<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế học - Kinh tế chính trị - Kinh tế và Quản lý công - Kinh tế quốc tế - Tài chính - Ngân hàng - Kế toán 	<p>Mã ngành 731: Khoa học xã hội và hành vi 73101 Kinh tế học 7310101 Kinh tế 7310102 Kinh tế chính trị 7310104 Kinh tế đầu tư 7310105 Kinh tế phát triển 7310106 Kinh tế quốc tế 7310107 Thống kê kinh tế 7310108 Toán kinh tế 7310109 Kinh tế số</p> <p>Mã ngành 734: Kinh doanh và quản lý 73401 Kinh doanh 7340101 Quản trị kinh doanh 7340115 Marketing 7340116 Bất động sản 7340120 Kinh doanh quốc tế 7340121 Kinh doanh thương mại 7340122 Thương mại điện tử 7340123 Kinh doanh thời trang và dệt may</p> <p>73402 Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm 7340201 Tài chính - Ngân hàng 7340204 Bảo hiểm 7340205 Công nghệ tài chính</p> <p>73403 Kế toán - Kiểm toán 7340301 Kế toán 7340302 Kiểm toán</p> <p>73404 Quản trị - Quản lý 7340401 Khoa học quản lý 7340403 Quản lý công 7340404 Quản trị nhân lực 7340405 Hệ thống thông tin quản lý 7340406 Quản trị văn phòng 7340408 Quan hệ lao động 7340409 Quản lý dự án</p>

PHỤ LỤC III
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----//----

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Kính gửi: **Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học Trường Đại học Kinh tế - Luật,
Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh**

I. Thông tin cá nhân

Tôi tên là:.....
Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:
Tôn giáo: Giới tính:
CCCD/CMND: Ngày cấp: Nơi cấp:
Quốc tịch: Dân tộc:
Địa chỉ liên lạc:
Số điện thoại: Email:
Nghề nghiệp:.....
Cơ quan công tác:
Đối tượng ưu tiên:.....

II. Quá trình đào tạo đại học

Tốt nghiệp Trường/Viện:
Ngành học:.....
Loại hình đào tạo (Chính quy, Chuyên tu, Tại chức, Mở rộng):
Thời gian đào tạo: Từ đến:.....
Điểm trung bình tích lũy theo thang điểm 10:.....
Xếp hạng tốt nghiệp: (xuất sắc, giỏi, khá, trung bình khá, trung bình):.....
Nơi cấp, thời gian cấp:.....
Bài báo khoa học, đề tài NCKH, giải thưởng khoa học các cấp, tham gia các hội nghị
khoa học quốc tế (nếu có):

III. Thông tin chuyên ngành đăng ký

(Theo quy định, ứng viên phải tốt nghiệp hoặc công nhận tốt nghiệp đại học, trình độ tương đương trở lên các ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạn tốt nghiệp từ loại khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu)

Đăng ký dự tuyển ngành/ chuyên ngành:

Chương trình định hướng: Nghiên cứu Ứng dụng

(lưu ý: người dự tuyển điền thông tin giống như đã đăng ký tại trang đăng ký online)

Đăng ký xét tuyển theo nhóm hồ sơ:

Đối tượng	Đánh dấu X vào đối tượng phù hợp
<i>Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài mà trong đó ngôn ngữ giảng dạy là ngôn ngữ của môn thi ngoại ngữ, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành.</i>	
<i>Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài là Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn.</i>	
<i>Là công dân nước ngoài có trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.</i>	
<i>Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT.</i>	

Tôi cam đoan các thông tin cung cấp trong hồ sơ dự tuyển của tôi là đúng sự thật. Tôi xin cam kết về mặt pháp lý đối với các bằng cấp, chứng chỉ liên quan trong quá trình xét tuyển. Trường hợp có sai phạm trong hồ sơ, các bằng cấp/ chứng chỉ không hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Trường Đại học Kinh tế - Luật có quyền hủy bỏ kết quả tuyển sinh của tôi.

....., Ngày tháng. năm 2024

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)